

Số: 1955/BC-UBND

Hương Trà, ngày 05 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO THỐNG KÊ SỐ LIỆU**  
**Về thực trạng bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương**  
**đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông**  
**trên địa bàn phường Hương Trà**

Thực hiện Công văn số 2815/SGDDĐT-TCCB ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế về việc rà soát công tác bổ nhiệm CDNN và xếp lương giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên;

Qua rà soát, Ủy ban nhân dân phường Hương Trà báo cáo thống kê số liệu thực trạng bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn phường Hương Trà như sau:

**1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo hạng chức danh nghề nghiệp và tương đương**

**1.1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non**

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo viên mầm non hạng I và tương đương	Tổng		
1.1		Mã số V.07.02.24	0	
1.2		Khác	0	
2	Giáo viên mầm non hạng II và tương đương	Tổng	49	
2.1		Mã số V.07.02.25	49	
2.2		Mã số V.07.02.04	0	
2.3		Mã số 15a.205	0	
2.4		Khác	0	
3	Giáo viên mầm non hạng III và tương đương	Tổng	77	
3.1		Mã số V.07.02.26	77	
3.2		Mã số V.07.02.05	0	
3.3		Mã số 15a.206	0	
3.4		Khác	0	

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
4	Giáo viên mầm non hạng IV và tương đương	Tổng	0	
4.1		Mã số V.07.02.06	0	
4.2		Mã số 15.115	0	
4.3		Khác	0	

**1.2. Đối với cơ sở giáo dục tiểu học (bao gồm cả trường phổ thông bán trú cấp tiểu học)**

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo viên tiểu học hạng I và tương đương	Tổng	0	
1.1		Mã số V.07.03.27	0	
1.2		Khác	0	
2	Giáo viên tiểu học hạng II và tương đương	Tổng	74	
2.1		Mã số V.07.03.28	71	
2.2		Mã số V.07.03.07	3	02 trường hợp chưa đủ 9 năm, 01 trường hợp chưa có chứng chỉ CDNN
2.3		Mã số 15a.203	0	
2.4		Khác	0	
3	Giáo viên tiểu học hạng III và tương đương	Tổng	44	
3.1		Mã số V.07.03.29	41	
3.2		Mã số V.07.03.08	3	Chưa đạt chuẩn trình độ chuyên môn
3.3		Mã số 15a.204	0	
3.4		Khác	0	
4	Giáo viên tiểu học hạng IV và tương đương	Tổng	1	
4.1		Mã số V.07.03.09	1	Chưa đạt chuẩn trình độ chuyên môn
4.2		Mã số 15.114	0	
4.3		Khác	0	

### 1.3. Đối với cơ sở giáo dục trung học cơ sở

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo viên trung học cơ sở hạng I và tương đương	Tổng	9	
1.1		Mã số V.07.04.30	9	
1.2		Mã số V.07.04.10	0	
1.3		Mã số 15.112	0	
1.4		Khác	0	
2	Giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương	Tổng	71	
2.1		Mã số V.07.04.31	69	
2.2		Mã số V.07.04.11	2	01 chưa có chứng chỉ CDNN, 01 thi hành kỷ luật
2.3		Mã số 15a.201	0	
2.4		Khác	0	
3	Giáo viên trung học cơ sở hạng III và tương đương	Tổng	8	
3.1		Mã số V.07.04.32	7	
3.2		Mã số V.07.04.12	1	01 chưa đạt trình độ chuẩn
3.3		Mã số 15a.202	0	
3.4		Khác	0	0

**2. Số lượng giáo viên thuộc đối tượng bổ nhiệm lại theo quy định tại khoản 12 Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT (Không bao gồm các trường hợp được bổ nhiệm hạng cao khi tuyển dụng, tiếp nhận theo chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, chính sách tuyển dụng đặc cách theo quy định của pháp luật hoặc chính sách đặc thù của địa phương, cơ sở giáo dục tại thời điểm tuyển dụng, tiếp nhận)**

Cấp học	Tổng số giáo viên thuộc đối tượng bổ nhiệm lại theo quy định tại khoản 12 Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT	Số giáo viên đã thực hiện việc bổ nhiệm lại		Số giáo viên chưa thực hiện việc bổ nhiệm lại
		Số giáo viên bổ nhiệm lại được giữ hoặc tăng hệ số lương (thời điểm bổ nhiệm lại)	Số giáo viên bổ nhiệm lại giảm hệ số lương (thời điểm bổ nhiệm lại)	
Cơ sở giáo dục mầm non	0	0	0	0
Cơ sở giáo dục tiểu học	0	0	0	0

Cấp học	Tổng số giáo viên thuộc đối tượng bổ nhiệm lại theo quy định tại khoản 12 Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT	Số giáo viên đã thực hiện việc bổ nhiệm lại		Số giáo viên chưa thực hiện việc bổ nhiệm lại
		Số giáo viên bổ nhiệm lại được giữ hoặc tăng hệ số lương (thời điểm bổ nhiệm lại)	Số giáo viên bổ nhiệm lại giảm hệ số lương (thời điểm bổ nhiệm lại)	
Cơ sở giáo dục trung học cơ sở	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**3. Số giáo viên đủ điều kiện bổ nhiệm hạng tương ứng theo quy định tại Thông tư số 01,02,03,04/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT nhưng do hết chỉ tiêu hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của địa phương nên đã được bổ nhiệm xuống hạng thấp hơn liền kề (không bao gồm trường hợp bổ nhiệm lại nêu tại mục 2)**

Cấp học	Tổng cộng	Bổ nhiệm từ hạng I xuống hạng II	Bổ nhiệm từ hạng II xuống hạng III
Cơ sở giáo dục mầm non	0	0	0
Cơ sở giáo dục tiểu học	0	0	0
Cơ sở giáo dục trung học cơ sở	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Trên đây là nội dung báo cáo của Ủy ban nhân dân phường Hương Trà./.

**Nơi nhận:**

- Sở Giáo dục và Đào tạo TP;
- CT, PCT UBND phường;
- Lưu: VT, P.VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Huy**